



PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	CP828C
Các hình thức nhận dạng khác	
Từ Đồng Nghĩa	HP HDR240 Light Cyan Scitex Ink
Công dụng đề nghị	Không có.
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Danh Tính Công Ty	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh (Sài Gòn) Việt Nam Điện Thoại +84437245550 HP Inc. health effect line (Toll-free within US) 1-800-457-4209 (Direct) 1-760-710-0048 HP Inc. Customer Care Line (Toll-free within the US) 1-800-474-6836 (Direct) 1-208-323-2551 Email: hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.	
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Độ độc cấp tính (qua miệng)	Loại 5
	Độ độc cấp tính (qua da)	Loại 5
	Ăn mòn/kích ứng da	Loại 2
	Tác nhân gây nhạy da	Loại 1
	Chất độc sinh sản	Loại 2
Các hiểm họa cho môi trường	Nguy cơ trường diễn đối với môi trường nước	Loại 2

Các thành phần của nhãn



Từ cảnh báo	Cảnh báo
Công bố hiểm họa	Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Nghi ngờ gây tổn hại khả năng sinh sản. Độc cho các sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
Thông điệp đề phòng	
Phòng Ngừa	P261 – Tránh hít bụi/khói/khí gas/sương/hơi/bụi nước. P280 – Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt. P202 – Không xử lý khi vẫn chưa đọc và hiểu tất cả các phòng ngừa an toàn. P201 – Nhận hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. P264 – Rửa tay thật sạch sau khi xử lý. P273 – Tránh giải phóng ra môi trường.
Ứng phó	P308 + P313 – Nếu bị phơi nhiễm hoặc lo lắng: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. P302 +P352 – NẾU DÍNH PHẢI DA: Dùng thật nhiều xà phòng và nước để rửa sạch. P333 + P313 – Nếu xảy ra kích ứng da hoặc phát ban: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. P312 – Gọi cho TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. P391 – Thu giữ chất tràn. P362 – Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
Bảo Quản	P405 – Bảo quản có khóa.

Thải bỏ	Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Các đường phơi nhiễm tiềm ẩn đối với sản phẩm này bao gồm tiếp xúc với da và mắt, nuốt vào và hít vào. Diphenyl (2,4,6-trimethylbenzoyl) phosphineoxide – Trong thử nghiệm ở động vật, nguy cơ giảm khả năng sinh sản chỉ được thấy sau khi nuốt vào chất này với liều dùng rất cao.
Thông tin thêm	Không có.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Thành phần nguy hại

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Acrylate ester		Độc quyền	<5
Diphenyl (2,4,6-trimethylbenzoyl) phosphine		Độc quyền	<5
Acrylated oligoamine resin		Độc quyền	<2.5

Các thành phần không nguy hiểm

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Acrylic acid ester		Độc quyền	<70
Glyxerin, chất hoạt động bề mặt, este với axit acrylic		Độc quyền	<15
Dipropylene Glycol Diacrylate		Độc quyền	<10

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa ra nơi không khí trong lành. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Rửa thật kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với mắt	Không dụi mắt. Ngay lập tức xả rửa bằng một lượng lớn nước ấm và sạch (áp suất thấp) trong thời gian ít nhất là 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ được các hạt. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
Ăn phải	Nếu nuốt phải vật liệu, nhận chăm sóc hoặc tư vấn y tế ngay lập tức – Không gây nôn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Không có.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Bộ khô. Carbon dioxide (CO2). Nước có thể không hiệu quả.
Chất chữa cháy không phù hợp	Nước có thể không hiệu quả. Không sử dụng dòng nước liên tục bởi vì nó có thể chia cắt và làm lan rộng đám cháy.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Không áp dụng.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Không có.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Tránh để chảy vào cống thoát nước mưa và mương, mà sẽ dẫn đến đường nước.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Không đụng chạm hoặc bước qua vật liệu bị tràn đổ.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có.
Các biện pháp để phòng cho môi trường	Không để sản phẩm đi vào các đường thoát. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh. Xem mục 13 Lưu ý về thải bỏ.
Thông tin khác	Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ. Thải bỏ tuân theo các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Để cách xa nhiệt quá cao hoặc lạnh. Không bảo quản dưới ánh nắng trực tiếp. Không xử lý hoặc lưu trữ gần nguồn lửa mở, nhiệt hoặc nguồn gây cháy khác. Nên sử dụng thùng chứa bằng polyethylene đục và có khối lượng riêng cao (HDPE) để vận chuyển và bảo quản.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.

Các giá trị giới hạn sinh học

Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm

Vẫn chưa thiết lập giới hạn phơi nhiễm cho sản phẩm này.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Không có.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt

Đeo kính an toàn; mặt nạ chống hóa chất (nếu có thể có bắn tóe). Nên có điểm rửa mắt và các phòng tắm khẩn cấp.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

Găng tay khuyến nghị: Nitrile có độ dày tối thiểu 6 mil. Mang bao tay chống hóa chất thích hợp.

Khác

Mặc quần áo chống hóa chất thích hợp.

Bảo vệ đường hô hấp

Thực hiện thông khí đầy đủ. Trong trường hợp không có đủ hệ thống thông khí, đeo thiết bị thở thích hợp.

Các hiểm họa nhiệt

Không có.

Các lưu ý vệ sinh chung

Xử lý theo các biện pháp an toàn về sinh công nghiệp. Không để vật liệu này đi vào mắt, da hoặc quần áo của bạn. Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm. Giặt sạch quần áo nhiễm hóa chất rồi mới được dùng lại. Để xa đồ ăn thức uống.

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan

Trạng thái vật lý

Chất lỏng.

Dạng

Chất lỏng.

Màu

Cyan nhạt

Mùi

Đặc điểm.

Ngưỡng phát hiện mùi

Không có.

pH

Không có.

Điểm chảy/điểm đông

Không có.

Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu

Không có.

Nhiệt Độ Bốc Cháy

> 110.0 °C (> 230.0 °F) (Estimated)

Tốc độ bay hơi

Không có.

Khả năng cháy (rắn, khí)

Không có.

Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ

Giới hạn cháy - dưới (%)

Không có.

Giới hạn cháy - trên (%)

Không có.

Giới hạn nổ – dưới (%)

Không có.

Giới hạn nổ – trên (%)

Không có.

Áp suất hơi

Không có.

Tỷ khối hơi

Không có.

(Các) độ tan

Tính tan (nước)

Không có.

Hệ số phân tách (n-octanol/nước)

Không có.

Nhiệt độ tự bốc cháy

Không có.

Nhiệt độ phân hủy

Không có.

Độ nhớt

Không có.

Thông tin khác

VOC (Trọng lượng %) < 36 g/l (Estimated)

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Không có.
Độ bền hóa học	Ổn định trong các điều kiện bảo quản bình thường.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Sự polime hóa nguy hiểm có thể xảy ra với hàm lượng chất ức chế suy giảm.
Các điều kiện cần tránh	Phơi nhiễm với ánh nắng.
Các vật liệu tương kỵ	Không tương thích với các basơ mạnh và các chất ôxi hóa. các kim loại kiềm
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Khi phân hủy, sản phẩm này phát ra các oxyt thể khí của nitơ, cacbon monooxyt, cacbon dioxyt và/hoặc các hydrocacbon khối lượng phân tử thấp.

11. Thông tin về độc tính

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Không có.
Thông tin về các tác dụng độc	
Độc tính cấp tính	Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể có hại khi tiếp xúc với da.
Ăn mòn/kích ứng da	Gây kích ứng da.
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. (OECD 437)
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da	
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Gây mẫn cảm da	Có thể gây mẫn cảm do tiếp xúc với da.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Khả năng gây ung thư	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Độc tích sinh sản	Nghi ngờ gây tổn hại khả năng sinh sản.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Hiểm họa hít phải	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Thông tin khác	Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này

12. Thông tin về sinh thái

Độc tố thủy sinh	Độc đối với thủy sinh vật, có thể gây các tác dụng có hại lâu dài cho môi trường nước. Sản phẩm này vẫn chưa được thử nghiệm đối với các tác động sinh thái.
Độc tính sinh thái	Không có dữ liệu độc sinh thái nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy	Không có.
Khả năng tích tụ sinh học	Không có.
Di chuyển trong đất	Không có.
Các tác dụng có hại khác	Không có.

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Không thải bỏ cùng với rác thải thông thường của văn phòng. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh. Đảm bảo thực hiện thu gom và thải bỏ với một nhà thầu xử lý rác thải có giấy phép thích hợp.
------------------------------	--

14. Thông tin về việc vận chuyển

Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)	
Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	UN3082

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN) Environmentally Hazardous Substance, Chất lỏng, N.O.S. (Acrylates)

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm 9

Nguy cơ phụ -

Nhóm đóng gói III

Các hiểm họa cho môi trường

Chất Ô Nhiễm Biển Có

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng Không có.

DOT supplemental information Phân loại DOT chỉ áp dụng cho việc vận chuyển bên trong Hoa Kỳ và Puerto Rico.

IATA

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc) UN3082

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN) Environmentally Hazardous Substance, Chất lỏng, N.O.S. (Acrylates)

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm 9

Nguy cơ phụ -

Nhóm Đóng Gói III

Các hiểm họa cho môi trường Có

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng Không có.

IMDG

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc) UN3082

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN) Environmentally Hazardous Substance, Chất lỏng, N.O.S. (Acrylates), CHẤT Ô NHIỄM BIỂN

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm 9

Nguy cơ phụ -

Nhóm Đóng Gói III

Các hiểm họa cho môi trường

Chất Ô Nhiễm Biển Có

Dịch Vụ Cấp Cứu Y Tế F-A, S-F

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng Không có.

ADR

Tên vận chuyển phù hợp Environmentally Hazardous Substance, Chất lỏng, N.O.S. (Acrylates)

Nhóm nguy cơ 9

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc) 3082

Nhóm Đóng Gói III

Chất Ô Nhiễm Biển Có

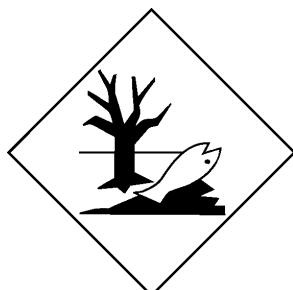
Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT); IATA; IMDG





ADR

Chất Ô Nhiễm Biển



15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia

Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT

Không được quy định.

Thông tin khác

Các điều khoản cụ thể: Quy định (EC) No 1907/2006 của Quốc hội Châu Âu và của Hội đồng về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất (REACH), thành lập một Cơ quan Hóa chất Châu Âu, sửa đổi Chỉ thị 1999/45/EC và hủy bỏ Quy định của Hội đồng (EEC) No 793/93 và Quy định của Ủy ban (EC) No 1488/94 cũng như Chỉ thị của Hội đồng 76/769/EEC và các Chỉ thị của Ủy ban 91/155/EEC, 93/67/EEC, 93/105/EC và 2000/21/EC (trong phiên bản sửa đổi OJ L 396 từ 29.05.2007 trang 3 với các chỉnh sửa và sửa đổi tiếp theo).

Thông tin về quy định

Tất cả các hóa chất trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc miễn trừ thông báo theo các luật về thông báo hóa chất ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), Liên minh Châu Âu (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành

16-Tháng-Tám-2016

Phiên bản số

01

Khước Từ Trách Nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.

Thông Tin Sửa Đổi

Lai Lịch Sản Phẩm và Công Ty: Từ Đồng Nghĩa
Thành phần cấu tạo / thông tin về các thành phần: Thông Tin Công Bố Ưu Tiên Hơn
Tính Chất Lý & Hóa: Đa Tính Chất
GHS: Qualifiers

Thông tin nhà sản xuất

HP Inc.
1501 Page Mill Road
Palo Alto, CA 94304-1112 US
(Direct) +972 (9) 892-4628